

Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 30 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: TDP1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Anh **Phạm Cao H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: TDP1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 56; 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị Thu T** và anh **Phạm Cao H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Phạm Thị Thu T** và anh **Phạm Cao H** xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn

- **Về con chung:** Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung là **Phạm Hoàng Anh T1**, sinh ngày 20/01/2019 và **Phạm Hoàng Anh T2**, sinh ngày 16/04/2020. Khi ly hôn anh chị thoả thuận giao cả 02 cháu cho chị **Phạm Thị Thu T** trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập

được. Anh **Phạm Cao H** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh **Phạm Cao H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Thuận tình ly hôn là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị **Phạm Thị Thu T** thoả thuận chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **Phạm Thị Thu T** đã nộp là **300.000** đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0001323 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch là **150.000** đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị **Phạm Thị Thu T**.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga